

Số: **30** /ĐHTDM-ĐTĐH
V/v Chương trình đào tạo đại học
chính quy khóa tuyển sinh 2017
và 2018.

Bình Dương, ngày **05** tháng **04** năm 2018

Kính gửi: **Các đơn vị trực thuộc trường.**

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một yêu cầu các Khoa/Bộ môn tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo (CTĐT) khóa tuyển sinh năm 2017 và xây dựng CTĐT khóa tuyển sinh 2018 theo hướng dẫn dưới đây:

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHÓA TUYỂN SINH 2017

Chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2017: căn bản dựa trên CTĐT khóa 2016 để điều chỉnh, bổ sung các học phần thay thế cho các học phần ngoại ngữ không chuyên hoặc ngoại ngữ hai (có tổng số 12 tín chỉ) để **tăng thời lượng cho nội dung thực hành/thực tập nghề nghiệp** trong CTĐT phù hợp với đặc điểm của ngành học (không thay thế bằng những học phần lý thuyết). Các nội dung điều chỉnh từ năm học thứ hai trở về sau, giữ nguyên chương trình năm thứ nhất theo CTĐT 2016.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHÓA TUYỂN SINH 2018

1. Chương trình đào tạo phải thể hiện các giá trị cốt lõi của trường Đại học Thủ Dầu Một: *Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo (ARC)*

Cụ thể, các nội dung môn học được thiết kế trong CTĐT cần thể hiện được tinh thần cơ bản dưới đây:

Khát vọng (Aspiration): Xây dựng cho sinh viên ý thức, khát vọng học tập suốt đời; có tinh thần phấn đấu trong học tập để vươn lên đỉnh cao của tri thức và những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

Trách nhiệm (Responsibility): Xây dựng cho sinh viên có thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, Tổ quốc, với cộng đồng xã hội và nhân loại; có tính cộng tác và có đạo đức nghề nghiệp.

Sáng tạo (Creativity): Xây dựng cho sinh viên có ý thức đổi mới, có tư duy sáng tạo, có năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng đáp ứng yêu cầu của xã hội, phục vụ cho sự phát triển chung của xã hội và sự phát triển của con người.

2. Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức tối thiểu:

+ **Thời gian đào tạo:** 3 – 5 năm

+ **Khối lượng kiến thức tối thiểu** (không bao gồm Ngoại ngữ không chuyên, Ngoại ngữ hai, Tin học, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng an ninh và Kỹ năng xã hội):

- CTĐT cử nhân: 120 tín chỉ.

- CTĐT kỹ sư, kiến trúc sư: 150 tín chỉ.

+ **Bằng tốt nghiệp:**

- **Kỹ sư:** Hệ thống thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Kỹ thuật điện – Điện tử, Quy hoạch vùng và đô thị, Kỹ thuật xây dựng.

- **Kiến trúc sư:** Kiến trúc.

- **Cử nhân:** các ngành khoa học cơ bản, sư phạm, kinh tế.

3. Phân bố thời lượng cụ thể cho các khối kiến thức trong CTĐT

3.1 Cơ cấu Lý thuyết – Thực hành trong CTĐT phải đảm bảo tỷ lệ:

+ **Lý thuyết:** không quá 60% khối lượng kiến thức toàn khóa.

+ **Thực hành:** tối thiểu 40% khối lượng kiến thức toàn khóa, bao gồm các nội dung:

- Thực hành gắn với các môn học, học phần;

- Thực hành/thực tập nghề nghiệp tại trường (trong đó bao gồm thực hành/thực tập trên mô hình, mô phỏng).

- Thực hành/thực tập nghề nghiệp tại cơ sở sử dụng lao động, doanh nghiệp (gọi chung là: **Thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp**).

3.2 Cơ cấu các khối kiến thức trong CTĐT:

Khối kiến thức		Cơ cấu thời lượng	Trong đó	
			Lý thuyết	Thực hành
Kiến thức giáo dục đại cương				
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Kiến thức cơ sở ngành	55%	>80%	<20%
	Kiến thức chuyên ngành			
	Làm đồ án / khóa luận (báo cáo) tốt nghiệp.	30%	<50%	>50%
	Thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp.	15%	<5%	>95%
Tổng cộng:		100%	60%	40%

3.3 Thời lượng cụ thể cho các khối kiến thức:

	TS tín chỉ	Kiến thức Giáo dục đại cương	Kiến thức chuyên nghiệp			
			Kiến thức Cơ sở ngành	Kiến thức Chuyên ngành	Đồ án/ Khóa luận (báo cáo) Tốt nghiệp	Thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp
CTĐT Cử nhân	120 TC	21 TC	Tối thiểu 45 TC	Tối thiểu 31 TC	5 TC	12-18 TC
CTĐT KS, KTS	150 TC	21 TC	Tối thiểu 62 TC	Tối thiểu 36-38 TC	8-10 TC	14-21 TC

Ghi chú: Nếu nội dung thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp thiết kế không đạt số tối đa 18 (hoặc 21) tín chỉ thì số tín chỉ còn lại được phân bổ cho nội dung thực hành nghề nghiệp tại trường thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

4. Quy định về các khối kiến thức trong chương trình đào tạo:

4.1 Thiết kế kiến thức lý thuyết và kiến thức thực hành trong CTĐT:

+ **Kiến thức lý thuyết** của CTĐT được thiết kế đảm bảo cho sinh viên có đủ khả năng thực hành/thực tập nghề nghiệp.

+ **Kiến thức thực hành** của CTĐT phải góp phần rèn luyện, nâng cao một kỹ năng, năng lực chuyên môn nào đó được tổ chức trong phòng thí nghiệm, phòng lab hoặc thực

tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp, cơ quan nhà nước. Các hoạt động khác như làm bài tập nhóm, giải bài tập, thảo luận trên lớp không được xem là kiến thức thực hành.

Lưu ý khi thiết kế các học phần:

+ Đảm bảo số lượng hợp lý các học phần bắt buộc, tự chọn; Các học phần tự chọn chiếm 20% khối lượng kiến thức CTĐT.

+ Mỗi học phần có khối lượng 2-3 tín chỉ, trừ một số học phần đặc biệt (thực tập, khóa luận tốt nghiệp...)

+ Cơ cấu tín chỉ lý thuyết và tín chỉ thực hành được thiết kế cho 1 học phần phù hợp, thiết thực. Tùy theo tính chất môn học, có thể thiết kế các loại học phần: **Học phần chỉ có tín chỉ lý thuyết** (không có tín chỉ thực hành), **Học phần chỉ có tín chỉ thực hành** (không có tín chỉ lý thuyết), **Học phần có tín chỉ lý thuyết và tín chỉ thực hành**.

4.2 Kiến thức giáo dục đại cương (21 tín chỉ), gồm các học phần:

- Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin: 5(5+0)
- Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2(2+0)
- Đường lối cách mạng của Đảng CSVN: 3(3+0)
- Tư duy biện luận ứng dụng: 3(3+0)
- Nhập môn Tư duy sáng tạo và nghiên cứu khoa học: 2(1+1)
- Một số học phần đại cương thuộc lĩnh vực KHTN hoặc KHXXHNV cần thiết cho ngành đào tạo (Toán cao cấp, vật lý đại cương, Lịch sử văn minh thế giới.....:6 TC).

4.3 Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành:

+ Thiết kế đảm bảo số tín chỉ được phân bổ, cân đối và tỷ lệ môn tự chọn.

+ Thiết kế các môn học: **Nhập môn ngành, Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành** cần chú trọng giới thiệu cho sinh viên về ngành nghề, các hướng phát triển chuyên môn nghề nghiệp và phương pháp nghiên cứu, năng lực tư duy phù hợp với ngành học. Riêng khối kiến thức chuyên ngành cần thiết kể một số môn trang bị thuật ngữ chuyên ngành bằng Tiếng Anh, Tiếng Hoa đáp ứng năng lực làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài.

+ Đối với các ngành đào tạo sư phạm, các học phần nghiệp vụ sư phạm thiết kế như CTĐT khóa 2016 (theo văn bản số 181/ĐHTDM-ĐT ngày 13/6/2016 về Trọng tâm công tác đào tạo năm học 2016 – 2017). Bên cạnh đó chú trọng nội dung đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hòa hợp, tích cực.

4.4 Đồ án/Khóa luận/Báo cáo tốt nghiệp

+ Đối với CTĐT KS, KTS: tất cả sinh viên phải thực hiện đồ án tốt nghiệp theo quy định.

+ Đối với CTĐT Cử nhân:

- Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp nếu điểm TBCTL đạt từ 8.0 trở lên. Nếu kết quả bảo vệ khóa luận tốt nghiệp tốt thì sinh viên được nhà trường đầu tư kinh phí để thực hiện đề tài/dự án khởi nghiệp trong khuôn khổ chương trình vườn ươm sáng tạo và NCKH của trường.

- Những sinh viên không đạt mức được thực hiện Khóa luận tốt nghiệp thì thực hiện Báo cáo tốt nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp và Báo cáo tốt nghiệp đều có khối lượng 5 TC, chỉ khác nhau về tính chất, cách hướng dẫn thực hiện và cách tổ chức chấm điểm – đánh giá (sẽ được quy định cụ thể trong Quy chế thực hiện, đánh giá Đồ án/ Khóa luận/Báo cáo tốt nghiệp).

+ Các Đồ án/ Khóa luận/Báo cáo tốt nghiệp phải được thực hiện dựa trên nền tảng kết quả thực tập tốt nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp.

4.5 Thực hành, thực tập nghề nghiệp:

+ Nội dung thực hành, thực tập nghề nghiệp của CTĐT được thiết kế linh hoạt, hợp lý, phù hợp đặc điểm của từng ngành, đảm bảo chiếm tối thiểu 40% tổng thời lượng CTĐT, bao gồm các nội dung chính:

Khối kiến thức		Nội dung	Chuẩn đầu ra	Thời lượng
Kiến thức giáo dục đại cương		Thực hành trong các môn học tại trường, tham quan doanh nghiệp...	Nắm vững về ngành học	Theo cơ cấu phân bổ lý thuyết và thực hành từng môn học
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Kiến thức cơ sở ngành	+ Thực hành nghề nghiệp tại trường. + Thực hiện đồ án/tiểu luận môn học...	Phân tích các vấn đề cơ bản của ngành học để thực hành theo vị trí việc làm	
	Kiến thức chuyên ngành		Vận dụng các kiến thức ngành, chuyên ngành để thực hành theo vị trí việc làm	
	Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp	Thực hiện Đồ án/ Khóa luận (Báo cáo) tốt nghiệp.	Vận dụng các kiến thức ngành, chuyên ngành để thực hành theo vị trí việc làm	Theo thời lượng phân bổ: + Khóa luận TN (CTĐT cử nhân): 5 TC

				+ Đồ án TN (CTĐT KS, KTS): 8-10 TC
	Thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp sử dụng lao động.	Thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp/cơ quan /trường học	+ Thực tập nghề nghiệp, sáng nghiệp tùy theo vị trí việc làm kỳ vọng.	Theo thời lượng phân bổ dưới đây.

GHI CHÚ:

+ Số đợt thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp và tên gọi:

Thời gian	Tên gọi, nội dung cơ bản	CTĐT Cử nhân	CTĐT KS, KTS	Ghi chú
Năm I (2 tuần)	Kiến tập (quan sát doanh nghiệp)	2 – 3 tín chỉ	2 – 3 tín chỉ	
Năm II (8 tuần)	Thực tập 1 (học việc tại doanh nghiệp)	4 – 6 tín chỉ	5 – 7 tín chỉ	
Năm III (12 tuần)	Thực tập tốt nghiệp (Rèn nghề tại doanh nghiệp)	6 – 9 tín chỉ	7 – 11 tín chỉ	

+ Chi tiết chương trình thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp:

MỤC TIÊU	NỘI DUNG (Ngành không phải là sư phạm)	NỘI DUNG (Ngành sư phạm)
Năm I- Quan sát doanh nghiệp	Nhiệm vụ: Quan sát và phản hồi/báo cáo về chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quy trình làm việc của doanh nghiệp. Các bảng biểu cần thiết: Bảng hướng dẫn triển khai, Bảng đánh giá của Thủ trưởng doanh nghiệp, của GV hướng dẫn.	Trước HK1 (năm I) + Quan sát các hoạt động cơ bản ở trường (trung học, tiểu học, mầm non) và phản hồi. + Nhiệm vụ: quan sát và phản hồi. + Các biểu mẫu: Hướng dẫn, đánh giá.

Năm II- Học việc tại doanh nghiệp	Nhiệm vụ: Tham gia với vai trò “thư ký” của một dự án nhỏ/một khâu tại doanh nghiệp – nhằm quan sát và học hỏi quy trình cụ thể. Các bảng biểu cần thiết: Bảng hướng dẫn triển khai, Bảng đánh giá của Thủ trưởng doanh nghiệp, của GV hướng dẫn.	Trước HK3 (năm II) + Trợ giảng (với GV hướng dẫn). + Nhiệm vụ: Trợ giảng (hỗ trợ soạn giáo án, quản lý lớp học và soạn giảng 4 tiết) + Các biểu mẫu: hướng dẫn, đánh giá.
Năm III- Rèn nghề tại doanh nghiệp	Nhiệm vụ: Làm nhiệm vụ như một “trợ lý” của giảng viên thực hành tại doanh nghiệp, tham gia một dự án cụ thể, chịu trách nhiệm với kết quả của dự án đó. Các bảng biểu cần thiết: Bảng hướng dẫn triển khai, Bảng đánh giá của Thủ trưởng doanh nghiệp, của người giảng viên thực hành tại doanh nghiệp và GV hướng dẫn.	Trước hoặc giữa HK6 (năm III) + Thực hành giảng dạy (với giáo viên trợ giảng) + Nhiệm vụ: giảng dạy 10-12 tiết và nhận phản hồi từ giáo viên hướng dẫn. + Các biểu mẫu: hướng dẫn, đánh giá.

+ Đối với ngành mà trong khóa học có 2 đợt thực tập tại cơ sở, doanh nghiệp: **Thực tập 1** có thể được gọi bằng tên phù hợp với ngành nghề (VD: **Thực tập cơ sở, thực tập kỹ thuật...**)

+ Đối với ngành mà trong khóa học chỉ có 1 đợt thực tập tại cơ sở, doanh nghiệp thì thống nhất gọi chung là **Thực tập tốt nghiệp** và được bố trí vào học kỳ thích hợp trong khóa học, đảm bảo cho sinh viên có đủ năng lực thực tập nghề nghiệp theo yêu cầu.

4.6 Dạy môn chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài. Tính tỷ lệ phù hợp và lộ trình bố trí vào các học kỳ.

5. Việc bố trí thời gian giảng dạy các học phần: về cơ bản bố trí thời gian giảng dạy ở các học kỳ như trong chương trình đào tạo khóa 2016, trừ một số trường hợp cụ thể:

+ **Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng an ninh:**

Trung tâm Giáo dục thể chất và Quốc phòng an ninh tổ chức lớp (trong năm thứ nhất), sinh viên đăng ký học tập để đảm bảo điều kiện xét tốt nghiệp theo quy chế đào tạo.

+ Ngoại ngữ không chuyên, Tin học, Kỹ năng xã hội:

Các trung tâm (Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin, Công tác xã hội) tổ chức các lớp học theo quy định, sinh viên đăng ký tích lũy để đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường khi tham gia xét tốt nghiệp.

+ Những nguyên lý cơ bản của CNMLN, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng CSVN:

Bố trí thời gian giảng dạy như trong chương trình đào tạo khóa 2016.

+ Các môn đại cương khác:

Bố trí thời gian giảng dạy phù hợp tùy từng chương trình đào tạo.

+ Tư duy biện luận ứng dụng, Nhập môn nghiên cứu khoa học:

- Tư duy biện luận ứng dụng: Học kỳ 1

- Nhập môn nghiên cứu khoa học: Học kỳ 2

+ Các môn cơ sở ngành, chuyên ngành:

Bố trí thời gian giảng dạy phù hợp, đảm bảo điều kiện tiên quyết giữa các học phần (nếu có), đảm bảo cho sinh viên có kiến thức, kỹ năng cơ bản trước khi tham gia các đợt thực tập nghề nghiệp.

Bố trí 2 tuần đầu khóa học để tổ chức giảng dạy học phần Nhập môn ngành: tổ chức lên lớp, tham quan thực tế và các hoạt động khác nhằm giới thiệu cho sinh viên về ngành nghề, hướng phát triển của ngành, những phương pháp học tập ở trường đại học liên quan tới ngành nghề.

- Ngoài một số học phần có thời gian bố trí giảng dạy bắt buộc, các học phần khác được bố trí vào các học kỳ phù hợp, đảm bảo điều kiện tiên quyết (nếu có) và các yêu cầu chuyên môn khác theo ngành học; **Học kỳ cuối của khóa học** là thời gian dành cho việc thực hiện Khóa luận/đồ án tốt nghiệp hoặc làm tiểu luận tốt nghiệp và hoàn thành việc tích lũy một số học phần khác trong chương trình đào tạo.

- Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp có thể được bố trí sớm từ đầu khóa học với khối lượng thích hợp đảm bảo cho sinh viên có thể tham gia thực tập nghề nghiệp.

6. Thủ tục, tiến độ điều chỉnh, xây dựng và phê duyệt CTĐT:

+ Thủ tục tiến hành điều chỉnh, xây dựng CTĐT thực hiện theo Thông tư số 07/2015 ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Biểu mẫu CTĐT, ĐCCT thực hiện theo Quyết định Số 1242/QĐ - ĐHTDM ban hành ngày 21/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một

+ Thời gian hoàn thành, nộp CTĐT khóa 2017 cho Viện Phát triển chiến lược: trước ngày 15/01/2018

+ Thời gian hoàn thành, nộp CTĐT khóa 2018 cho Viện Phát triển chiến lược: trước ngày 15/3/2018.

Viện Phát triển chiến lược phối hợp các Khoa/Bộ môn hoàn thành việc thẩm định CTĐT khóa 2018 trước ngày 12/5/2018.

Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một yêu cầu lãnh đạo đơn vị trực thuộc trường triển khai thực hiện nghiêm túc văn bản này.

Nơi nhận: NA

- HT và các PHT;

- Như trên;

- Lưu văn thư.

HIỆU TRƯỞNG



PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp